

Bản án: 479/2022/DS-PT

Ngày 20 - 7 - 2022

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Thuý Hồng

Bà Trần Thị Hoà Hiệp

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh :***  
Ông Đào Quốc Việt - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-PT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 878/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Ông Hồng Minh Đ, sinh năm 1967, địa chỉ: 20-22 L, khu phố X, phường X, Tp. L, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

***Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Văn T, địa chỉ: 103/34/Thích Quảng Đ, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

***Bị đơn:*** Bà Thái Tú M, sinh năm 1966. Địa chỉ: 18 L, khu phố X, phường X, Tp. L, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Thái Quốc H, sinh năm 1964 (vắng mặt)

- Ông Thái Quốc Q, sinh năm 1961 (vắng mặt).

- Bà Thái Tú D, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 18 L, khu phố X, phường X, Tp. L, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Hồng Vĩnh K, sinh năm 1954. Địa chỉ: 3206 B, R CA 917700, USA (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn - Hồng Minh Đ trình bày:

Ông là chủ sử dụng đất của thửa 241 tờ bản đồ số 3 phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Nguồn gốc đất là do ông Đ nhận sang nhượng của ông Hồng Vĩnh K ngày 27/02/1991.

Ngày 14/3/1991 ông K được UBND huyện Xuân Lộc (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 581 tờ bản đồ số 6, thị trấn Xuân Lộc, huyện Xuân Lộc (cũ) với diện tích 200m<sup>2</sup>. Ngày 08/4/1991 ông Đ được UBND huyện Xuân Lộc cấp thêm phần đất phía sau có diện tích 16m (chiều dài 18m, chiều rộng 02m) theo Quyết định cấp đất số 283/QĐ-UBH.

Ngày 22/12/2006 ông Đ được UBND thị xã Long Khánh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 491579 đối với thửa 241 tờ bản đồ số 3, phường Xuân An (mới) với diện tích 198,5m<sup>2</sup>.

Bà Thái Tú M là chủ sử dụng thửa đất số 242 tờ bản đồ số 3, phường Xuân An. Bà M đã lấn chiếm và kê khai luôn phần đất phía sau của nhà ông Đ. Theo kết quả đo đạc tại bản trích lục và đo hiện trạng khu đất bản đồ địa chính số 4541/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai- Chi nhánh Long Khánh, diện tích đất tranh chấp là 2,5m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các điểm (d,10,11,f,m,d).

Việc lấn chiếm của gia đình bà M ông Hồng Vĩnh K đã khiếu nại đến UBND huyện Xuân Lộc (cũ) và đã có Quyết định số 611/QĐ/UBH ngày 21/5/1990 của UBND huyện Xuân Lộc với nội dung không thừa nhận phần diện tích chái nhà sau của ông Thái Cẩm T (cha bà Thái Tú M) xây lấn chiếm vượt qua ranh nhà ông, yêu cầu ông Thái Cẩm T phải tháo dỡ và trả lại diện tích đất cho nhà ông nhưng gia đình bà M không chấp hành. Gia đình bà M không chấp hành nên UBND huyện Xuân Lộc (cũ) đã ban hành Quyết định cưỡng chế số 13 ngày 30/6/1990 tuy nhiên gia đình bà M vẫn không chấp hành. Nay ông Đ yêu cầu bà M trả lại diện tích 2,5m<sup>2</sup> nói trên.

Bị đơn - bà M trình bày trong quá trình tham gia tố tụng như sau:

Năm 1967, ông Thái Cẩm T, bà Tăng Mai H (là cha mẹ của bà Thái Tú M) mua căn nhà số 18, đường Lê Lợi, phường X, thành phố L. Năm 1985, được Ty xây dựng tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà. Năm 1991, bà

Tăng Mai H chết, năm 2000 ông Thái Cẩm T chết. Năm 2007 những người con của ông Thái Cẩm T, bà Tăng Mai H lập văn bản phân chia di sản thừa kế. Năm 2009 giữa các đồng thừa kế làm thủ tục kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng đất mà gia đình sử dụng.

Năm 1967, khi mua căn nhà trên thì phía sau căn nhà có ngõ hẻm là lối đi, riêng của gia đình nhà ông Thái Cẩm T, kéo dài tới trường Đinh Tiên Hoàng hiện nay. Sau khi giải phóng thì Ty cảnh sát về làm Đồn Công an nên không cho gia đình ông Thái Cẩm T sử dụng ngõ hẻm này để đi lại nữa với lý do ảnh hưởng hoạt động của chính quyền. Do đó gia đình ông Thái Cẩm T không sử dụng làm lối đi nữa mà chỉ sử dụng một phần nhỏ còn lại từ cửa hậu (là diện tích tranh chấp) đi ra con đường như trên từ 1975 cho đến nay, đồng thời hiện cũng đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 1985, gia đình ông Đ mới mua căn nhà kế bên và sử dụng. Sự việc trước đó ông Đ không thể biết được. Thực tế đất của nhà ông Đ chỉ kéo dài đến bức tường hông sau nhà hiện đang ở nhưng do sau này khi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thì nhà nước đo kéo thẳng thêm đến cả phần ngõ hẻm mà trước đây ông Thái Cẩm T sử dụng làm lối đi. Do vậy, gia đình bà không lấn chiếm đất của ông Đ. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Quốc H, ông Thái Quốc Q, bà Thái Tú D trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của bà M, gia đình ông bà không lấn chiếm đất của ông Đ.

Theo bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồng Vĩnh K trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của Đồn Công an thị trấn Xuân Lộc (cũ) cấp cho tất cả các hộ dân thẳng theo ranh nhà 02m, trong đó có hộ nhà ông. Ông đã xuất cảnh từ 1991 đến nay. Từ năm 1989 ông đã có tranh chấp với gia đình ông Thái Cẩm T (cha bà M) và có khiếu nại đến UBND huyện Xuân Lộc (cũ). Sau đó UBND huyện có Quyết định 611/QĐ/UBH ngày 21/5/1990 và ông Thái Cẩm T cũng cam kết tự tháo dỡ công trình lấn chiếm nhưng lại không thực hiện. Sau đó ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhận được bản đồ cấp đất và thông báo cưỡng chế số 13 ngày 30/6/1990. Do đi nước ngoài và ông Đ bị bệnh tim nên không theo dõi việc thực hiện cưỡng chế được. Việc bà M đăng ký quyền sử dụng đất đối với cả phần diện tích đất tranh chấp ông không biết và cũng không đồng ý. Do không thể về Việt Nam nên ông xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự số 39/2020/DS-PT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồng Minh Đ về việc yêu cầu bà Thái Tú M trả cho Đức quyền sử dụng đất là 2,5m thuộc thửa đất số 242 tờ bản đồ số 3 phường Xuân An, được giới hạn bởi các điểm (d,10,11,f,m,d) theo bản

trích lục và đo hiện trạng khu đất bản đồ địa chính số 4541/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai- Chi nhánh Long Khánh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 07/01/2021, ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 39/2020/DS-PT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày yêu cầu kháng cáo như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn - bà Thái Tú M và (03) anh chị của bà M là ông Thái Quốc Q, bà Thái Tú D, ông Thái Quốc H phải trả lại cho nguyên đơn phần đất lấn chiếm khoảng 2,5m<sup>2</sup> thuộc thửa đất theo Giấy chứng nhận số 1752/GCN-SHN cấp ngày 8/5/1991 tại địa chỉ số 20-22 Lê Lợi, phường 14, X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; phía bị đơn phải thanh toán chi phí thẩm định giá, chi phí tiền xe và các khoản thu liên quan khác tổng cộng là 9.000.000 đ (Chín triệu đồng) mà nguyên đơn đã nộp theo biên bản quyết toán ngày 20/11/2020 của TAND tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn không kháng cáo, vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm (có đơn đề nghị xử vắng mặt và đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

#### *Tại phần tranh luận:*

Ý kiến tranh luận của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Việc UBND huyện Xuân Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2.5m<sup>2</sup> cho phía bị đơn là không đúng pháp luật, vì:

- Phần diện tích đất Nhà nước công nhận cho các hộ dân đường Lê Lợi lấn về phía Công an thị trấn Xuân Lộc (nay là Ủy ban nhân dân phường Xuân An) là phần kéo dài hình chữ nhật chứ không thể là hình chữ “L” lấn sang phần đất người khác;

- Quyết định số 611/QĐ-UBH của UBND huyện Xuân Lộc (nay là thành phố Long Khánh) là quyết định đúng thẩm quyền, có hiệu lực pháp lý xuyên suốt tất cả thời kỳ, buộc các đối tượng điều chỉnh trong phạm vi tại địa phương là ông K, ông Đ, hộ bà M phải được thi hành;

- Từ sau ngày nhận được quyết định đến trước thời điểm ông Đ khởi kiện lên Tòa án nhân dân, hộ ông Thái Cẩm T (bà M sau này) đã không có đơn khiếu nại gì liên quan đến Quyết định 611/QĐ-UBH lên cấp thẩm quyền cao hơn hoặc khởi kiện tại Tòa án nhân dân nào cả;

- Nhà nước đã công nhận phần diện tích 16 m<sup>2</sup> (2m x 8m) và ra Quyết định cấp đất cho ông K theo quyết định 283/1991/UBH ngày 8/4/1991;

- Xuyên suốt từ năm 1991 đến khi vụ án đem ra xét xử sơ thẩm 11/12/2020 và phúc thẩm ngày 20/6/2022 hộ bà M không đưa ra được chứng cứ chứng minh mình được cấp khoảng diện tích dư ra phần sau khoảng 2,5m<sup>2</sup> là của căn nhà số 18 Lê Lợi (thửa 242/3);

- Theo “Biên bản lấy lời khai – đối chất” ngày 4/3/2014 tại Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, bà M thừa nhận nguồn gốc đất ban đầu chỉ là phần đất, ngôi nhà được xây dựng từ trước năm 1985 có diện tích 96m<sup>2</sup>;

- Do Sở xây dựng Đồng Nai, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Xuân Lộc (nay là UBND Tp Long Khánh) có sai sót khi cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông Đ và cho hộ bà M nên lẽ ra cấp sơ thẩm cần cho thụ lý yêu cầu bổ sung đơn kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của nguyên đơn sẽ giúp vụ án được giải quyết toàn diện và triệt để.

Ngoài ra, việc ông Đ tranh chấp quyền sử dụng đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cho thẩm định là không cần thiết. Ông Đ không đồng ý chịu chi phí thẩm định.

Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm Thẩm phán chủ tọa, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Án sơ thẩm đã xử đúng pháp luật, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **XÉT THẤY:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tham gia phiên tòa phúc thẩm đến lần thứ hai nhưng phía bị đơn vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt); những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: ông Thái Quốc H, ông Thái Quốc Q, bà Thái Tú D, ông Hồng Vĩnh K vắng mặt không có lý do.

Căn cứ Khoản 2 và 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2]. Về nội dung xét kháng cáo của nguyên đơn: Qua các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

[2.1] Thửa đất số 241, tờ bản đồ số 3, phường Xuân An có nguồn gốc do ông Hồng Vĩnh K nhận chuyển nhượng của chủ cũ. Ngày 14/3/1991, ông K được UBND huyện Xuân Lộc (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A305066 diện tích là 200m<sup>2</sup>. Ngày 27/02/1991, ông K chuyển nhượng quyền sử dụng đất và căn nhà nói trên cho ông Hồng Minh Đ, diện tích xây dựng là 8m x 25 m. Ngày 08/4/1991, ông Đ được UBND huyện Xuân Lộc (cũ) cấp đất thổ cư theo Quyết định số 283/QĐ-UBH với nội dung cấp cho ông Đ lô đất số 20-22 L, khu X, thị trấn X, diện tích 08mx02m.

[2.2]. Thửa đất số 242 tờ bản đồ số 03 phường Xuân An có nguồn gốc của ông Thái Cẩm T nhận chuyển nhượng từ năm 1967. Ngày 20/08/1985, ông Thái Cẩm T và vợ là bà Tăng Mai H được Ty xây dựng tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận số 1752/CN-SHN (Bút lục 202) với diện tích xây dựng 96m<sup>2</sup>, sử dụng 96m<sup>2</sup>. Sau khi ông Thái Cẩm T và bà Tăng Mai H chết, các con của ông Thái Cẩm T và bà Tăng Mai H đã lập văn bản thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế. Nội dung kê khai di sản thừa kế của ông Thái Cẩm T và bà Tăng Mai H là căn nhà tại địa chỉ số 18 đường L, phường X, thị xã L theo giấy chứng nhận số 1752. Sau đó bà Thái Tú M đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 106.7m<sup>2</sup>. Ngày 23/3/2009, bà M và ông Thái Quốc V, ông Thái Quốc H, ông Thái Quốc Q, bà Thái Tú D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 106.7m<sup>2</sup>.

[2.3]. Căn cứ tài liệu chứng cứ và lời khai xác nhận của các đương sự về nguồn gốc đất tranh chấp, có cơ sở xác định thời điểm năm 1990, phía sau nhà số 18 và số 20-22 Lê Lợi có một lối đi thuộc quản lý của Nhà nước. Do tình hình tại địa phương nên chính quyền địa phương huyện Xuân Lộc (cũ) đã cho phép các hộ dân được sử dụng thêm phần diện tích thuộc lối đi lấn ra 02m, ranh phần diện tích này thẳng với ranh của các hộ.

[2.4]. Tại biên bản số 05/1990 ngày 11/5/1990, Hội đồng xét khiếu tố huyện Xuân Lộc chỉ công nhận phần đất mỗi hộ gia đình trong đó có hộ của ông Thái Cẩm T, ông K được sử dụng phần đất kéo dài thẳng từ đuôi nhà từng hộ, chứ không cho phép hoặc ghi nhận phần đất đó được lấn sang các hộ liền kề khác. Sơ đồ thửa đất được vẽ theo Quyết định cấp đất số 283/QĐ-UBH thời điểm từ 08/4 đến 7/5/1991 (cấp theo Quyết định 283/1991 cho ông Đ ghi nhận hộ số 18-20-24 Lê Lợi đều được cấp đất chiều sâu 2m như nhau).

[2.5]. Lời khai của các đương sự, phù hợp với tài liệu, chứng cứ thể hiện phần đất tranh chấp này trước đó ông Hồng Vĩnh K (chủ cũ) đã khiếu nại đến UBND huyện Xuân Lộc (cũ) và UBND huyện Xuân Lộc đã giải quyết bằng các Quyết định có hiệu lực: Quyết định số 611/QĐ-UBH ngày 21/5/1990 không thừa nhận diện tích chái nhà sau của ông Thái Cẩm T cha bà M; Quyết định cưỡng chế số 13 ngày 30/06/1990 của UBND huyện Xuân Lộc (cũ) cưỡng chế buộc ông Thái Cẩm T thi hành quyết định trên nhưng ông Thái Cẩm T vẫn không thi hành. Đến ngày 23/3/2009, bà M và ông Thái Quốc V, ông Thái Quốc H, ông Thái Quốc Q, bà Thái Tú D (con ông Thái Cẩm T) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 106.7m<sup>2</sup> (có cả phần diện tích 2,5 m<sup>2</sup>). Tuy nhiên trong phần giải quyết, Tòa án

cấp sơ thẩm chưa thu thập được các bản đồ địa chính hoặc bản trích đo sơ đồ các thửa tại vị trí tranh chấp (thửa 241, tờ 3 của ông Hồng Minh Đ và thửa 242 tờ 3 của hộ bà Thái Tú M được thiết lập qua các thời kỳ từ năm 1987 đến năm 2013); chưa làm rõ vì sao trước đây khi chủ cũ của ông Đ khiếu nại về việc hộ ông Thái Cẩm T lấn chiếm đất thì Ủy ban đã giải quyết buộc ông Thái Cẩm T phải tháo dỡ công trình, trả lại đất cho Nhà nước, sau này Ủy ban lại cấp giấy chứng nhận phần đất này cho các đồng thừa kế của ông Thái Cẩm T là dựa trên căn cứ nào mà đã giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ là chưa có cơ sở vững chắc. Xét thấy, những thiếu sót trên của cấp sơ thẩm là đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[2.6]. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương bên đương sự và đảm bảo hai cấp xét xử, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-PT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ làm rõ những vấn đề như đã phân tích trên. Ngoài ra để đảm bảo việc giải quyết triệt để tranh chấp, khi giải quyết lại cần thụ lý thêm yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn mà trước đó cấp sơ thẩm không chấp nhận thụ lý vì cho rằng nguyên đơn đưa ra yêu cầu này sau thời điểm Tòa án đã công khai chứng cứ.

[3]. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên ông Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại cho ông Hồng Minh Đ số tiền tạm ứng án phí DSPT 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002542 ngày 21/01/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn - ông Hồng Minh Đ.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-PT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, giữa nguyên đơn - ông Hồng Minh Đ với bị đơn - bà Thái Tú M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết lại vụ án theo trình tự thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồng Minh Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại cho ông Hồng Minh Đ số tiền tạm ứng án phí DSPT 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002542 ngày 21/01/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ (1), VP(3), 15b (PMT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Hoa**